

Điểm quá trình học phần Cơ sở Đại số và Hình học

Chính qui khoá 37, học kì I năm học 2012 - 2013

STT	Mã số SV	Họ tên	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Lê Vũ Tuyết An	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
2	002	Huỳnh Thị Bình An	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
3	003	Mai Thị Vân Anh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
4	004	Phạm Thị Lan Anh	8	Tám	1211PRIM102101
5	005	Lê Hồng Anh	9	Chín	1211PRIM102101
6	006	Huỳnh Thị Tuyết Anh	9	Chín	1211PRIM102101
7	007	Cao Thị Ngọc Anh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
8	008	Đỗ Hữu Hồng Ân	8	Tám	1211PRIM102101
9	009	Lê Hoàng Ánh	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102101
10	010	Đào Thị Ngọc Ánh	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102101
11	012	Phạm Thị Thúy Cẩm	8	Tám	1211PRIM102101
12	013	Lê Thị Ngọc Cẩm	8	Tám	1211PRIM102101
13	014	Đỗ Thị Chi	8	Tám	1211PRIM102101
14	015	Phạm Thị Mỹ Chi	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
15	016	Nguyễn Thị Chung	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
16	017	Nông Thị Chuyên	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102101
17	018	Trần Thị Cúc	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
18	019	Thập Nữ Thanh Dậu	8	Tám	1211PRIM102101
19	020	Nguyễn Thị Thùy Dung	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102101
20	021	Hoàng Vy Dung	8	Tám	1211PRIM102101
21	022	Trần Thị Ngọc Dung	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
22	023	Lê Thị Thùy Duyên	9	Chín	1211PRIM102101
23	025	Võ Thị Ngọc Hân	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
24	027	Đỗ Thị Bích Hằng	9	Chín	1211PRIM102101
25	029	Nguyễn Thị Hạnh	8	Tám	1211PRIM102101
26	031	Nguyễn Thị Bảo Hà	9	Chín	1211PRIM102101
27	032	Nguyễn Đặng Bích Hà	8	Tám	1211PRIM102101
28	033	Hồ Lâm Bảo Hà	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102101
29	034	Kim Thị Thu Hè	8	Tám	1211PRIM102101

30	035	Lê Thị Hiền	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102101
31	036	Trần Nguyễn Tố Hiền	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102101
32	037	Trần Thị Hiền	8	Tám	1211PRIM102101
33	038	Phương Ngọc Hiếu	4	Bốn	1211PRIM102101
34	040	Hoàng Thị Bích Hiệp	7	Bảy	1211PRIM102101
35	041	Nguyễn Thị Minh Hoàng	8	Tám	1211PRIM102101
36	042	Lưu Thị Thu Hồng	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102101
37	043	Dương Thị Huệ	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102101
38	044	Huỳnh Lê Thị Ngọc Huyền	8	Tám	1211PRIM102101
39	045	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	8	Tám	1211PRIM102101
40	046	Trần Thị Tuyết Hương	8	Tám	1211PRIM102101
41	047	Tạ Thị Mai Hương	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102101
42	048	Võ Thị Thanh Hương	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
43	050	Lê Thị Ngọc Kiều	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
44	051	Quách Mỹ Kiều	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
45	052	Dương Thúy Kiều	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
46	053	Bùi Trần Phương Kiều	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
47	054	Nguyễn Thị Thanh Lan	8	Tám	1211PRIM102101
48	055	Phạm Thị Ngọc Lan	10	Mười	1211PRIM102101
49	056	Nguyễn Thị Hương Lại	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102101
50	079	Vũ Thị Bích Ngọc	9	Chín	1211PRIM102101
51	123	Lê Ngọc Yến	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102102
52	039	Trần Quốc Hiếu	8	Tám	1211PRIM102102
53	057	Lê Thị Mỹ Lệ	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
54	059	Lê Phương Hoàng Linh	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102102
55	060	Trần Thị Trúc Linh	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102102
56	061	Trần Thị Phương Linh	10	Mười	1211PRIM102102
57	062	Nguyễn Thị Ngọc Linh	8	Tám	1211PRIM102102
58	063	Huỳnh Nguyễn	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102

		Thanh Mai			
59	064	Dương Trần Thanh Mai	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
60	065	Thập Thị Hồng Mến	8	Tám	1211PRIM102102
61	066	Hồ Thị Ka My	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
62	068	Nguyễn Thị Hồng Nga	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
63	069	Nguyễn Thị Tố Nga	9	Chín	1211PRIM102102
64	070	Trần Thị Nga	8	Tám	1211PRIM102102
65	071	Nguyễn Thị Hồng Nga	7	Bảy	1211PRIM102102
66	072	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	9	Chín	1211PRIM102102
67	074	Nguyễn Thị Thu Ngân	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
68	076	Châu Thành Nghĩa	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
69	077	Ngô Thị Bích Ngọc	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
70	078	Huỳnh Mỹ Ngọc	8	Tám	1211PRIM102102
71	080	Tổng Thị Trần Nguyên	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
72	081	Phạm Thảo Nhi	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
73	083	Trần Thị Cẩm Nhưng	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
74	084	Huỳnh Thị Hồng Nhưng	8	Tám	1211PRIM102102
75	086	Lê Vương Quỳnh Nhu	8	Tám	1211PRIM102102
76	087	Lê Nguyễn Quỳnh Nhu	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
77	089	Huỳnh Thị Hồng Phúc	8	Tám	1211PRIM102102
78	090	Nguyễn Trần Hà Phương	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
79	091	Nguyễn Thị Ngọc Phương	CT	Bảo lưu	1211PRIM102102
80	094	Vũ Thị Phượng	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
81	095	Nguyễn Hồng Phước	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102102
82	097	Nguyễn Như Quỳnh	8	Tám	1211PRIM102102
83	098	Cao Võ Thu Quỳnh	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102102
84	099	Hồ Thanh Quỳnh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102

85	100	Trương Nguyễn Như Quỳnh	8	Tám	1211PRIM102102
86	101	Nguyễn Thị Quý	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102102
87	102	Thông Thị Ngọc Sang	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
88	104	Đặng Thị Sữa	8	Tám	1211PRIM102102
89	107	Nguyễn Thị Quế Thanh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
90	108	Lê Thị Lan Thanh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
91	109	Nguyễn Thị Kim Thanh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
92	110	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	7	Bảy	1211PRIM102102
93	112	Nguyễn Huỳnh Như Thảo	8	Tám	1211PRIM102102
94	113	Nguyễn Bích Thảo	CT	Bảo lưu	1211PRIM102102
95	115	Nguyễn Thị Quý Thảo	9	Chín	1211PRIM102102
96	116	Nguyễn Thị Phương Thảo	8	Tám	1211PRIM102102
97	118	Nguyễn Thị Thoa	9	Chín	1211PRIM102102
98	120	Nguyễn Thị Thu	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
99	125	Phan Thị Ngọc Thúy	8	Tám	1211PRIM102102
100	127	Nguyễn Thị Thanh Thủy	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102102
101	128	Ngô Ngọc Thủy	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102102
102	129	Lâm Anh Thơ	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
103	130	Nguyễn Huy Thiên Thơ	9	Chín	1211PRIM102102
104	137	Phan Thị Thu Trang	8	Tám	1211PRIM102102
105	138	Trần Lê Ngọc Trang	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102102
106	139	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
107	149	Nguyễn Thị Kim Tuyệt	9	Chín	1211PRIM102102
108	150	Nguyễn Thị Ánh Tuyệt	8	Tám	1211PRIM102102
109	161	Lê Thị Hải Yến	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102102
110	050	Nguyễn Thị Thu Mỹ	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
111	077	Mai Vũ Phương Thanh	10	Mười	1211PRIM102103
112	092	Mã Thị Thanh	8	Tám	1211PRIM102103

		Thủy			
113	114	Đoàn Thị Tường Vi	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102103
114	117	Cao Thị Thảo Vy	8	Tám	1211PRIM102103
115	124	Lê Thị Hoàng Yến	8	Tám	1211PRIM102103
116	114	Huỳnh Thị Thanh Thảo	8	Tám	1211PRIM102103
117	117	Phạm Thị Thanh Thảo	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
118	119	Nguyễn Thị Ngọc Thu	7	Bảy	1211PRIM102103
119	121	Nguyễn Thị Yếng Thu	7	Bảy	1211PRIM102103
120	122	Thạch Thị Chành Thu	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
121	124	Bạch Thị Thanh Thúy	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
122	131	Nguyễn Thị Mỹ Thơ	7.5	Bảy rưỡi	1211PRIM102103
123	133	Đỗ Ngọc Anh Thu	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
124	134	Nguyễn Thị Hoài Thương	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
125	136	Đặng Thị Cẩm Tiên	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
126	141	Nguyễn Lê Phương Trinh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
127	142	Võ Thị Việt Trinh	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102103
128	143	Lê Thị Diệu Trinh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
129	144	Son Thị Kiều Trinh	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
130	145	Nguyễn Lê Thanh Trúc	9	Chín	1211PRIM102103
131	146	Đặng Thị Thanh Tuyền	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
132	147	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
133	148	Bá Thị Kim Tuyền	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102103
134	151	Phùng Thị Tú	9	Chín	1211PRIM102103
135	152	Nguyễn Thị Ái Uyên	9	Chín	1211PRIM102103
136	154	Nguyễn Lê Tuyết Vân	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
137	155	Lê Thị Tường Vi	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
138	156	Nguyễn Tường Vi	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
139	157	Lê Thị Hồng Vy	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
140	158	Ngô Thanh Vy	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102103
141	159	Nguyễn Thị Ngọc	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103

		Xuân			
142	160	Phạm Thị Mỹ Yến	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
143	162	Nguyễn Thị Hải Yến	9.5	Chín rưỡi	1211PRIM102103
144	163	Nguyễn Hải Yến	9	Chín	1211PRIM102103
145	164	Hoàng Thị Ngọc Yến	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
146	166	Võ Hoài Phương	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103
147	167	Nguyễn Thị Kim Phụng	9	Chín	1211PRIM102103
148	168	Thạch Thị Sa My	8.5	Tám rưỡi	1211PRIM102103